

PHỤ LỤC 05
Bảng giá điều chỉnh đất ở đầu mỗi giao thông, trung tâm phường, xã thị xã Giá Rai - tỉnh Bạc Liêu

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
A	QUỐC LỘ 1					
I 1	PHƯỜNG LÁNG TRÒN					
	Quốc lộ 1	Cầu Xóm Lung (Km 2201 + 397m)	Qua cầu Xóm Lung 300m (Km 2201 + 697m)	1,550	2,100	
		Qua cầu Xóm Lung 300m (Km 2201 + 697m)	Cách ngã 3 Láng Tròn 300m về phía Đông (Km 2204 + 820m)	1,350	1,750	
		Cách ngã 3 Láng Tròn 300m về phía Đông (Km 2204 + 820m)	Ngã 3 Láng Tròn (Km 2205 + 120m)	1,550	1,900	
		Ngã 3 Láng Tròn (Km 2205 + 120m)	Cầu Láng Tròn (Km 2205 + 512m)	1,800	2,300	
Cầu Láng Tròn (Km 2205 + 512m)		Qua cầu Láng Tròn 200m (Km 2205 + 712m)	1,500	1,900		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Qua cầu Láng Tròn 200m (Km 2205 + 712m)	Tim Cống Lầu	1,500	2,000	
II	PHƯỜNG 1					
1	Quốc lộ 1	Tim Cống Lầu	Tim cống Ba Tuyền	1,800	2,500	
III	PHƯỜNG HỘ PHÒNG					
1		Cầu Hộ Phòng (Km 2216 + 218m)	Tim hẻm Tự Lực	8,800	9,000	
		Tim hẻm Tự Lực	Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	6,800	7,500	
		Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Giáp ranh Tân Phong (Km 2217 + 525m)	5,300	5,800	
IV	TÂN PHONG					
1		Giáp ranh phường Hộ Phòng (Km 2217 + 525m)	Tim cống nhà thờ Tắc Sậy	4,000	4,600	
		Tim cống nhà thờ Tắc Sậy	Cột mốc Km 471 + 190 Công ty Phúc Hậu	2,500	3,100	
		Cột mốc Km 471 + 190 Công ty Phúc Hậu	Cột mốc Km 2222 (phía Tây cầu Cây Gừa)	1,800	2,300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Cột mốc Km 2222 (phía Tây cầu Cây Gừa)	Cột mốc Km 2226 + 400m	1,300	1,800	
		Cột mốc Km 2226 + 400m (phía Đông UBND xã Tân Phong)	Cột mốc Km 2226 + 550m (phía Tây UBND xã Tân Phong)	1,500	1,900	
		Cột mốc Km 2226 + 550m (phía Tây UBND xã Tân Phong)	Cổng Voi (Km 2229 + 250m)	1,300	1,800	
		Cổng Voi (Km 2229 + 250m)	Cầu Láng Trâm	1,500	2,000	
V	TÂN THẠNH					
1	Quốc lộ 1	Cầu Láng Trâm	Giáp ranh Cà Mau	1,700	2,100	
B	GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐẦU MỐI GIAO THÔNG VÀ KHU VỰC TRUNG TÂM XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN					
I	PHƯỜNG LÁNG TRÒN					
1	Đường dân sinh cầu Xóm Lung	Bắt đầu từ ranh đất nhà Quách Thị Ghét	Đến hết ranh đất nhà Nguyễn Văn Lực	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Phạm Thị Nâu	Đến hết ranh đất nhà Lâm Văn Xiệu	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 2)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Phạm Thị Tú	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bảy	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà Xà To	Đến hết ranh đất nhà Tiêu Cáo	250	280	
3	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Tiêu Khai Kiểm	Đến hết ranh đất nhà Đặng Thanh Xuân	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất Trường Tiểu học Phong Phú A	Đến hết ranh đất nhà Lâm Ý Kía	250	280	
		Quốc lộ 1 (cổng Đốc Béc)	Ranh phía Bắc nhà ông Cao Văn Ghê	280	340	
		Quốc lộ 1 (chùa Hưng Phương Tự)	Cổng Xóm Lung	280	340	
		Quốc lộ 1 (cổng Tư Hỷ)	Ngã 3 Thiết	280	340	
		Quốc lộ 1 (nhà ông Trần Quang Trúc)	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	400	440	
		Quốc lộ 1 (cổng Bà Đội)	Kênh Cầu Móng	280	340	
		Quốc lộ 1 (cổng Lầu)	Kênh Cầu Móng	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
4	Đường vào Trường Mẫu giáo mới	Từ Quốc lộ 1	Hết ranh phía Nam trường mẫu giáo mới	850	900	
		Hết ranh phía Nam Trường Mẫu giáo mới	Cầu trường học nhà ông Lâm Hòa Bình	550	600	
		Cầu trường học nhà ông Lâm Hòa Bình	Cầu áp 7 (Ba Nhạc)	300	340	
		Cầu áp 7 (Ba Nhạc)	Giáp ranh xã Phong Thạnh Đông	280	340	
5	Đường vào Trường Tiểu học Phong Phú B	Quốc lộ 1	Cầu trường học mới	500	550	
		Cầu trường học mới	Nhà bà Lưu Thị Tiệp (ngã 3 đường đi Vĩnh Phú Tây)	300	340	
6	Đường vào Trường THCS Phong Phú	Cầu nhà ông Lâm Hòa Bình	Ngã tư cầu áp 7	250	280	
7	Đường vào cổng Vĩnh Phong	Ngã ba đường vào UBND Phường Láng Tròn	Cổng Vĩnh Phong	400	440	
		Cổng Vĩnh Phong (nhà ông Phạm Văn Trọng)	Cầu áp 12	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
8	Đường số 1 (khu TĐC khóm 2, ranh quy hoạch phía Nam)	Đường số 6 (nhà ông Nguyễn Văn Tiền)	Đường số 8	400	440	
9	Đường số 2 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 7 (nhà ông Sài)	Đường vào trường mẫu giáo mới	450	480	
10	Đường số 3 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 6 (nhà ông Ngô Công Khanh)	Đường số 8	450	480	
11	Đường số 4 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 5	Đường số 8	450	480	
12	Đường số 5 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 4	Đường số 2	450	480	
13	Đường số 6 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 1	Đường số 4	450	480	
14	Đường số 7 (khu TĐC khóm 2)	Đường vào cổng Vĩnh Phong (khóm 2)	Đường số 1	450	480	
15	Đường số 8 (khu TĐC khóm 2, ranh quy hoạch phía Tây)	Đường số 4	Đường số 1	450	480	
		Quốc lộ 1 (nhà ông Tuấn ấp vịt)	Đường số 1 (khu TĐC)	400	480	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16	Chợ Láng Tròn	Ngã ba Láng Tròn (nhà ông Mã Thu Hùng)	Hết ranh đất nhà ông Quảng Văn Hai	1,800	2,500	
		Từ hết ranh đất nhà ông Quảng Văn Hai	Đến hết ranh đất bà Lộ Thị Thủy (con ông Sáu Diệu)	250	280	
17	Chợ Láng Tròn	Quốc lộ 1	Hết ranh đất nhà bà Lâm Cẩm Hằng	1,800	2,100	
18	Đường vào đập ấp 3 Vĩnh Phong	Quốc lộ 1	Đập ấp 3 Vĩnh Phong	800	1,100	
		Đập ấp 3 Vĩnh Phong	Giáp ranh xã Phong Tân	280	340	
19	Đường số 2 khu dân cư khóm 3 (song song QL 1)	Đường số 4 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 1 (khu dân cư khóm 3)	750	820	
20	Đường số 3 khu dân cư khóm 3 (ranh quy hoạch, song song QL 1)	Đường số 4 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 1 (khu dân cư khóm 3)	750	820	
21	Đường số 4 khu dân cư khóm 3 (ranh quy hoạch)	Quốc lộ 1 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 3 (khu dân cư khóm 3)	750	820	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
22	Tuyến kênh 16	Cầu 2 Đề	Kênh Cống Lầu	250	280	
23	Tuyến kênh Hai Chen	Kênh khóm 13	Kênh khóm 12	250	280	
24	Tuyến kênh khóm 12 (Hào Quئن)	Cầu khóm 12	Giáp ranh xã Phong Thanh Đông	250	280	
25	Tuyến đường vành đai cũ (song song với Quốc lộ 1)	Hương lộ khóm 2 (đất bà Ngô Thị Năm)	Đường vào Trường Tiểu học Phong Phú B (nhà ông Nguyễn Minh Tây)	300	340	
26	Tuyến đường chữ T (song song với tuyến đường vào UBND phường mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Út Em	Hết ranh đất nhà ông Bùi Tân Hải	300	340	
27	Tuyến khóm 2 - khóm 12	Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Dũng, khóm 2	Đến cầu khóm 12 nhà ông Trịnh Văn Sóng		340	Bổ sung
28	Tuyến khóm 3 - cống Bà Đội (đường vành đai)	Bắt đầu Khu dân cư khóm 3	Đến cống Bà Đội		340	Bổ sung
29	Tuyến Tư Bá khóm 2	Bắt đầu từ nhà trọ ông 8 khóm 2	Đến nhà ông Hồ Vũ Bảo - kênh 7 Ói		340	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
30	Tuyến hẻm 5	Bắt đầu từ nhà Kha Thanh Tài Khóm 2	Đến cuối nhà bà Huỳnh Thị Liêm		340	Bổ sung
31	Tuyến đường nhà trọ ông Quân khóm 2	Bắt đầu từ nhà trọ ông Quân	Đến kênh thủy lợi		340	Bổ sung
32	Tuyến đường kênh Đốc Béc khóm 1	Bắt đầu từ nhà ông Ngô Văn Tổng	Đến hết tuyến đường kênh miếu		340	Bổ sung
II	XÃ PHONG THẠNH ĐÔNG					
1	Đường liên xã	Cầu Vĩnh Phong V14 (hướng Bắc)	Kênh chống Mỹ (đầu kênh hướng Nam)	360	400	
2	Đường vào Trường Tiểu học PTĐ	Cột điện 2/19 (nhà ông Nguyễn Văn Dũng)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Trường Chiến	420	470	
3	Kênh ấp 9 (Xóm Còng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ngọc Y	Cầu nhà ông Võ Văn Tuấn	250	280	
4	Tuyến kênh ấp 12 (kênh Lắm Đôi)	Từ nhà ông Lê Văn Hận	Hết ranh đất của ông Trần Văn Tòng		300	Bổ sung
III	XÃ PHONG TÂN					
1	Đường Giá Rai - Phong Tân	Giáp ranh Phường 1	Cầu nhà ông Lương Ô Ra (giáp ranh xã Phong Thạnh Đông)	400	600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Đường ấp 16B	Cầu kênh V 12 Chổng Mỹ (Trạm Y tế xã Phong Tân, ấp 16B)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thành Vạn (ấp 16B)	300	400	
3	Đường xã Phong Tân (ấp 18, 19, 20, 21)	Bắt đầu từ Cây xăng Minh Lý	Giáp ranh cầu Ranh Hạt ấp 21, xã Vĩnh Phú Tây	250	500	
4	Đường xã Phong Tân (ấp 14, 16A, 17, 19)	Cổng Vĩnh Phong 14 (nhà ông Trần Văn Tám (8 Lẹo))	Nhà ông Nguyễn Văn Sơn (Thúy)	250	400	
5	Đường ấp 15 (Phong Tân)	Cầu nhà ông Lương Ô Ra	Cầu ấp 15 (giáp Vĩnh Phú Tây)	250	340	
6	Đường ấp 14, ấp 16A (Phong Tân)	Cầu Số 3 (nhà ông Trần Văn Tùng)	Cầu ấp 14 (nhà ông Lê Văn Khởi)	250	340	
7	Đường ấp 15 (Phong Tân)	Cầu ấp 15 (nhà ông Lê Tấn Phùng)	Cầu nhà ông Lê Văn Thêm	250	280	
8	Đường ấp 16B và ấp 15 (Phong Tân)	Cầu ấp 15 (nhà ông Lê Tấn Dũng)	Cầu số 6 (nhà ông 3 Xía)	250	280	
9	Đường ấp 19 (Phong Tân)	Cầu ấp 19, kênh chổng Mỹ	Kênh Vĩnh Phong 10 (nhà ông Minh Điền)	250	280	
10	Đường ấp 17 (Phong Tân)	Cầu kênh 17 (nhà bà Trần Thị Lệ)	Cầu thủy lợi (nhà ông Phạm Thanh Tùng)	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11	Đường ấp 16A (Phong Tân)	Cầu ấp 16A (nhà Nguyễn Văn Tươi)	Đến hết ranh đất nhà Chiêm Quốc Trị	250	280	
12	Đường ấp 5 (Phong Tân)	Cầu Ô Rô	Đến hết ranh đất nhà ông Lý Văn Long (cầu ấp 5)	250	280	
13	Đường ấp 17 (tuyến Ba Giang)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Việt Hồng	Cổng Lung Mướp	250	280	
14	Tuyến ấp 16A	Cầu ông Tại	Đến hết ranh đất miếu Ông Tà (nhà ông Trương Văn Kính)	250	280	
15	Tuyến đường kênh Cây Dương ấp 19	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Thế Mỹ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Thanh Tùng	250	280	
16	Tuyến đường ấp 20 (liên ấp)	Từ ranh Trạm nước sạch ấp 20	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Ngọt	250	280	
17	Đường liên ấp	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phước	Kênh Vĩnh Phong 10	250	280	
18	Đường tuyến đường (ấp 19; 17; 16B)	Bắt đầu từ cây xăng ông Trần Thanh Tùng ấp 19	Đến cầu trạm y tế ấp 16B		500	Bổ sung
IV	XÃ PHONG THẠNH					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Giá Rai - Phó Sinh	Bắt đầu từ giáp xã Phong Thạnh A	Đến Cống 19		600	Bổ sung
		Hết ranh trụ sở UBND xã mới	Đến hết ranh xã Phong Thạnh (giáp Vĩnh Phú Tây)		500	Bổ sung
2	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Chí 4 (gần Trường Tiểu học Phong Thạnh A)	Đến hết ranh xã Phong Thạnh (giáp Phong Thạnh Tây A)		600	Bổ sung
3	Đường Xóm Lung	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Chí 4 (nhà ông Nguyễn Văn Dân)	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Nguyễn Văn Khánh)		450	Bổ sung
4	Đường Chủ Sáo	Bắt đầu từ cống 19 (nhà ông Trần Văn Đoàn)	Miếu bà Chúa Sứ		380	Bổ sung
		Miếu bà Chúa Sứ	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Võ Văn Thái)		350	Bổ sung
		Bắt đầu từ cống 19 (nhà ông Thi Chí Thiện)	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Nguyễn Văn Khánh)		340	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Đường Tư Lắm	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Võ Văn Thái)	Ngã năm (nhà ông Đoàn Văn Hai)		350	Bổ sung
6	Đường Chủ Chí 5	Bắt đầu từ cầu ấp 20 (gần trụ sở ấp 20)	Đến nhà ông Nguyễn Văn Tuấn		400	Bổ sung
		Bắt đầu từ ngã năm ấp 19	Trường THCS Phong Thạnh A (nhà ông Phan Văn Minh)		400	Bổ sung
7	Đường Chủ Chí 6	Bắt đầu từ trụ sở ấp 21	Đến trụ sở ấp 25		350	Bổ sung
8	Đường Tư Trứ	Bắt đầu từ cống ấp 25	Đến nhà ông Lê Văn Tuấn		300	Bổ sung
9	Đường kênh Trượng	Bắt đầu từ cầu nhà ông Nguyễn Văn Noi	Đến nhà ông Trương Lý Lăng		300	Bổ sung
10	Đường xóm Huế	Bắt đầu từ miếu ấp 24	Đến nhà ông Dương Văn Tuấn		300	Bổ sung
		Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Trung	Đến nhà ông Lê Văn Đâu		300	Bổ sung
11	Đường kênh Trượng	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Thành	Đến nhà ông Nguyễn Văn Thường		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12	Đường 7 Chanh	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Việt	Đến nhà ông Nguyễn Văn Sĩ		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Việt	Đến ngã năm ấp 19		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ ngã năm ấp 19	Đến nhà ông Ba Gia		280	Bổ sung
		Bắt đầu từ nhà ông Trang Văn Thông	Đến nhà ông Trần Văn Giàu (ấp 23)		280	Bổ sung
V	XÃ PHONG THẠNH A					
1	Đường Phan Đình Giót (nối dài)	Ranh phường Hộ Phòng	Kênh Chủ Chí 4	300	340	
2	Đường Châu Văn Đặng (nối dài)	Cầu Tráng (giáp ranh phường Hộ Phòng)	Nhà ông Út Dũng	280	300	
3	Đường vào Phong Thạnh A	Giáp ranh ấp 1 Phường 1	Kênh Chủ Chí 2 (trụ sở xã Phong Thạnh A)	350	380	
		Ngã tư kênh Chủ Chí 2 (trụ sở xã Phong Thạnh A)	Đường tránh Giá Rai - Cạnh Đèn	350	380	
4	Đường Giá Rai - Cạnh Đèn	Kênh Chủ Chí 1 (giáp Phường 1)	Kênh Chủ Chí 4 (giáp xã Phong Thạnh)	380	420	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
5	Đường tránh Giá Rai - Cạnh Đền	Đường Giá Rai - Cạnh Đền (nhà ông Tư Cua)	Đường Giá Rai - Cạnh Đền (nhà ông Tùng vật liệu)	350	380	
6	Tuyến áp 4 đến áp 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mười Hai	Đến hết ranh đất nhà ông Châu Văn Hai (giáp kênh Hộ Phòng - Chủ Chí)	250	280	
7	Tuyến áp 4 đến áp 22	Trụ sở xã Phong Thạnh A	Kênh Chủ Chí 4	250	280	
8	Tuyến kênh Chủ Chí 1	Cầu Út Công (áp 4)	Cầu nhà 5 Chi (áp 18)	250	280	
9	Cầu Trần Văn Sớm (nổi dài)	Chân cầu Trần Văn Sớm đoạn giáp với Phường 1	Đường tránh Giá Rai - Cạnh Đền	450	900	
10	Quốc lộ 1 đi xã Phong Thạnh A, nối tuyến tránh Giá Rai - Cạnh Đền	Giáp ranh với Phường 1 (Bệnh viện Giá Rai)	Đường tránh Giá Rai - Cạnh Đền	380	420	
11	Tuyến áp 22 đi áp 3	Trường THCS, Tiểu học Phong Thạnh A	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Bình (kênh Chủ chí II)	250	280	
12	Tuyến áp 22	Ngã ba nhà ông Kỷ (áp 22)	Cầu Phạm Hồng Văn (áp 22)	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
13	Tuyến áp 22 đi áp 24	Chùa Hổ Phù (áp 22)	Rạch Ba Chol (kênh Chủ chí III)	250	280	
14	Tuyến áp 24 (rạch xóm Huế)	Cầu Ba Chol (nhà ông Trần Văn Hòa)	Kênh Chủ Chí (ngã tư nhà ông Lê Văn To)	250	280	
15	Tuyến kênh Chủ Chí III	Nhà ông Út Hiền (áp 22)	Cầu nhà ông 5 Hùng Em (áp 24)	250	280	
16	Tuyến kênh Chủ Chí IV (áp 25 nối áp 24)	Nhà ông Lê Văn Thừa (áp 25)	Cầu nhà ông Ngô Minh Tiền (áp 24)	250	280	
17	Tuyến kênh Chủ Chí IV (áp 22)	Ngã tư Cò (áp 22)	Đến nhà ông Trần Văn Việt (áp 22)	250	280	
VI	XÃ PHONG THẠNH TÂY					
1	Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp	Giáp xã Tân Thạnh (kênh Giồng Bướm)	Cầu Hai Thanh	450	900	
		Cầu Hai Thanh	Cầu vượt Hộ Phòng - Chủ Chí (hết ranh Phong Thạnh Tây)	400	900	
2	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí (đường Tư Bình)	Cầu Đen (giáp Tân Phong)	Cầu Mười Thêm	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Cầu Mười Thêm	Ranh phía Đông nhà ông Huỳnh Văn Công	450	480	
		Ranh phía Đông nhà ông Huỳnh Văn Công	Cầu Hai Thanh	320	360	
		Cầu Hai Thanh	Ranh phía Đông nhà ông Nguyễn Văn Đầy	250	280	
		Ranh phía Đông nhà ông Nguyễn Văn Đầy	Ranh phía Đông nhà ông Võ Văn Tùng	300	340	
		Ranh phía Đông nhà ông Võ Văn Tùng	Ngã 5 Vàm Bóm (giáp xã Tân Thạnh)	350	380	
3	Đường Đầu Sáu - Tân Lộc	Cây Dừa 1 (giáp ranh Tân Phong)	Cầu Khúc Tréo	300	340	
VII	XÃ TÂN PHONG					
1	Đường Khúc Tréo - Tân Lộc	Quốc lộ 1	Qua trường mẫu giáo 100m về phía Bắc	400	700	
		Qua trường mẫu giáo 100m về phía Bắc	Hết ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc	350	500	
		Từ hết ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc	Hết tuyến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây	350	350	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí (đường Tư Bình)	Giáp ranh phường Hộ Phòng	Hết ranh nhà thờ	700	750	
		Hết ranh đất nhà thờ	Cầu Đen (giáp Phong Thanh Tây)	500	550	
3	Đường vào Trường Tiểu học Tân Hiệp	Quốc lộ 1	Ranh phía Bắc trường tiểu học (hết ranh)	400	440	
		Ranh phía Bắc trường tiểu học (hết ranh)	Cổng Khúc Tréo	350	380	
4	Đường vào Trung tâm Bảo trợ xã hội	Quốc lộ 1	Hết đường (giáp trung tâm)	350	380	
5	Cổng Nhân Dân (phía Đông và phía Tây)	Quốc lộ 1	Tìm cổng Nhân Dân	350	380	
6	Cổng Cây Gừa (Khúc Tréo) (phía Đông và phía Tây)	Quốc lộ 1	Tìm cổng Cây Gừa	350	380	
7	Cổng Lầu Bàng (phía Đông và phía Tây)	Quốc lộ 1	Tìm cổng Lầu Bàng	350	380	
8	Cổng Sư Sơn (phía Đông và phía Tây)	Quốc lộ 1	Tìm cổng Sư Sơn	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
9	Đường lộ cũ ấp 2	Giáp ranh Hộ Phòng	Quốc lộ 1	400	440	
10	Tuyến Trung tâm Bảo trợ - kênh Hang Mai	Giáp Trung tâm Bảo trợ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Giàu	270	300	
11	Tuyến kênh đào	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thùy Dương (hết đường)	270	300	
12	Tuyến kênh 2 Lương	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tòng (hết đường)	270	300	
13	Tuyến Láng Trâm	Quốc lộ 1	Cổng Láng Trâm	270	300	
14	Tuyến Tin Lành	Nhà thờ Tin lành	Cầu ông Tư Tráng	270	300	
VIII	XÃ TÂN THẠNH					
1	QL Quản lộ - Phụng Hiệp	Giáp Cà Mau	Cầu kênh Lung Thành	1,000	1,200	
		Cầu kênh Lung Thành	Giáp Phong Thạnh Tây	800	900	
2	Đường kênh Láng Trâm	Quốc lộ 1	Cổng Láng Trâm	700	750	
		Cổng Láng Trâm	Cầu số 1	600	660	
		Cầu Số 1	Ngã 5 ấp 8	500	550	
		Ngã 5 ấp 8	Giáp Cà Mau	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
3	Ấp Xóm Mới	Cổng Láng Trâm	Đập Láng Trâm	350	380	
4	Đường kênh Lung Cặp (ấp Xóm Mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thắng	Kênh Sáu Vàng	400	440	
5	Ấp Xóm Mới	Cầu Số 1	Cầu Xã Xứ	350	380	
		Cầu Xã Xứ	Cầu ông Cẩm	300	340	
		Cầu ông Cẩm	Giáp ấp 3 Tác Vân	350	380	
6	Đường Gò Muồng	Cầu nhà ông Minh Mười	Cầu ông Thi (nhà Trần Thị Tuyền)	250	280	
7	Đường Lung Ngang (ấp Gò Muồng)	Bến đò (Việt Tân)	Cầu Khảo Xén	250	280	
		Cầu Khảo Xén	Cầu Tư Hải	250	280	
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Anh	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Quốc Tuấn	250	280	
8	Đường ấp Gò Muồng - ấp 9	Cầu ông Sử	Trường Tiểu học ấp 9	350	380	
9	Đường ấp 9	Cầu ông Bé Thơ	Đến hết ranh đất nhà Trần Minh Được	250	280	
10	Đường ấp 9	Cầu Xã Xứ	Cầu Trường Tiểu học ấp 9	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11	Đường ấp 9	Cầu nhà ông Trạng	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Văn Bé	250	280	
12	Đường ấp kênh Lớn	Cầu ông Bình (Bu)	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hộ	250	280	
13	Đường ấp 8	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hai Cũ (Láng Trâm 3)	Kênh Lung Thành (nhà Ngọc Anh)	250	280	
14	Đường ấp 8	Cầu Rạch Dừa	Đến hết ranh đất nhà ông Út Tuyền	250	280	
15	Lộ Công ty Thiên Phú (lộ quy hoạch)	Quốc lộ 1	Đường Láng Trâm - ngã 5	700	800	
16	Kênh Long Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Khuyên	Giáp ấp 3 xã Tác Vân	300	340	
17	Kênh Nước Mặn	Cầu lung Nước Mặn	Cầu Số 3	250	280	
18	Tuyến bờ Đông	Đường Quản lộ - Phụng Hiệp	Đập Láng Trâm		350	Bổ sung
IX	KHU VỰC PHƯỜNG 1					
1	Đường lộ cũ (trụ sở Khóm 2)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Cổng Ba Tuyền	550	750	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2	Đường Giá Rai - Gành Hào	Ngã ba (Quốc lộ 1)	Cầu Giá Rai - Gành Hào	1,000	1,500	
		Cầu Giá Rai - Gành Hào (cầu Đình 1)	Cầu Rạch Rấn 1	750	1,200	
		Cầu Giá Rai - Gành Hào (cầu Đình 2)	Cổng chùa mới	750	1,200	
3	Phan Thanh Giản	Lê Lợi	Cầu Đình	1,000	1,200	
4	Nguyễn Huệ	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,000	1,200	
5	Trung Trắc	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,000	1,200	
6	Trung Nhị	Nguyễn Thị Lụa	Trần Hưng Đạo	750	800	
		Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,000	1,100	
7	Trần Hưng Đạo	Cầu Giá Rai - Gành Hào	Tìm đường Phan Thanh Giản	1,000	1,100	
		Tìm đường Phan Thanh Giản	Tìm đường Lý Thường Kiệt	1,400	1,500	
		Tìm đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thị Lụa	900	1,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
8	Lý Thường Kiệt	Cổng Trường THCS Giá Rai A	Đường Lê Lợi	750	800	
9	Lê Lợi	Cầu Gành Hào - Giá Rai	Tìm đường Phan Thanh Giản	850	900	
		Tìm đường Phan Thanh Giản	Tìm đường Trung Nhị	1,200	1,300	
		Tìm đường Trung Nhị	Tìm đường Lý Thường Kiệt	820	900	
10	Nguyễn Thị Lụa	Đường Giá Rai - Gành Hào	Cầu Đen	480	540	
11	Nguyễn Tri Phương (lộ nhựa Khóm 3)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	480	750	
		Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	Hết đường (giáp kênh)	350	480	
12	Đường lộ nhựa Khóm 4	Cầu Chương trình 135	Giáp phường Hộ Phòng	300	420	
13	Nguyễn Văn Chức (đường vào khu Di tích Nọc Nặng)	Quốc lộ 1	Cổng Nọc Nặng	500	750	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Cổng Nọc Nặng	Giáp ranh Phong Thạnh A	420	550	
14	Tuyến KDC Nọc Nặng đến khu Di tích Nọc Nặng	Hết ranh Khu dân cư Nọc Nặng	Giáp đường vào khu Di tích Nọc Nặng	500	750	
15	Nguyễn Văn Ưông (đường Tòa án)	Quốc lộ 1	Ngã ba	800	1000	
		Ngã ba	Hết đường Nguyễn Văn Ưông	550	800	
16	Đường vào Phong Thạnh A (vào trại chăn nuôi cũ)	Quốc lộ 1	Hết ranh Phường 1	600	800	
17	Đường Giá Rai - Cạnh Đèn (đường đi Phó Sinh Khóm 1)	Quốc lộ 1	Cách ranh phía Bắc bệnh viện 200m	1000	1100	
		Cách ranh phía Bắc bệnh viện 200m	Cổng Phó Sinh	800	900	
		Cổng Phó Sinh	Kênh Chủ Chí 1 giáp ranh Phong Thạnh A	500	570	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Quách Thị Kiều (đường đi Phó Sinh, khóm 2)	Quốc lộ 1	Cổng Phó Sinh	800	900	
		Cổng Phó Sinh	Giáp đường Giá Rai - Phong Tân	500	560	
19	Đường Giá Cần Bầy	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết ranh Phường 1	420	470	
20	Tạ Tài Lợi (đường sau UBND huyện)	Đường Tòa án	Ngã ba đường Trường Mẫu giáo Sơn Ca	420	800	
21	Dương Văn Diệp (đường Trường Mẫu giáo Sơn Ca)	Đầu ranh Trường Mẫu giáo Sơn Ca	Đường Tạ Tài Lợi	420	800	
22	Phùng Ngọc Liêm (đường Huyện đội)	Quốc lộ 1	Hết đường bệnh viện mới	420	800	
23	Đường cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Cầu kênh Rạch Rắn	750	1,000	
24	Đường Quốc lộ 1 - xã Phong Thạnh A	Đường số 4 (KDC Thiên Phúc)	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	750	800	
25	Đường chùa Cô Lý	Chùa Cô Lý	Hết ranh nhà ông Trần Văn Bông	750	800	
26	Đường Giá Rai - Phong Tân	Quốc lộ 1	Cầu số 1 xã Phong Tân	750	1,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
27	Đường cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Giáp ranh xã Phong Thạnh A		1,000	Bổ sung
28	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Đường Trần Văn Sớm	Giáp ranh phường Hộ Phòng		1,000	Bổ sung
29	Đường Khu dân cư Nhật Trang (trục chính của dự án)	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường		1,500	Bổ sung
30	Đường Khu dân cư Nhật Trang (đường nội bộ)	Toàn tuyến			1,000	Bổ sung
	Khóm 1					
31	Hẻm số 5 (nhà Bảy Hoàng)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu (hết đường)	420	500	
32	Hẻm số 7 (nhà Dũng Composite)	Đường dân sinh đường Nọc Nặng	Nhà ông Dũng (Composite)	420	500	
33	Hẻm số 6 (hẻm Sơn Lệ)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (nhà ông bé chạy đáy)	420	500	
34	Hẻm số 3 (bác sĩ Thiết)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
35	Hẻm số 2 (đường hẻm bến đò)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	
36	Hẻm số 1 (hẻm Đầu Voi)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	
37	Đường dân sinh cầu Nọc Nặng	Quốc lộ 1	Kênh Nọc Nặng	420	470	
38	Đường dân sinh cầu Giá Rai	Quốc lộ 1	Hẻm số 1 (hẻm Đầu Voi)	300	340	
	Khóm 2					
39	Hẻm số 16 (hẻm Chệt Tám)	Quách Thị Kiều	Hết hẻm (nhà ông Sử Văn Hôm)	300	340	
40	Hẻm số 7 (hẻm nhà ông Ba Thi)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (kênh thủy lợi)	300	340	
41	Hẻm số 5 (hẻm Cây Táo)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (nhà ông Trần Văn Hón)	300	340	
42	Hẻm số 4 (hẻm Bảy Liếng)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (nhà ông Từ Văn Liếng)	300	340	
43	Hẻm số 15 (hẻm Ba Lát)	Quách Thị Kiều	Hết đường (nhà bà Phan Thị Huệ)	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
44	Kênh ấp 5 - Ba Lát	Quách Thị Kiều	Giáp xã Phong Tân	300	340	
45	Hẻm số 1 (hẻm Cống Lâu)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Út	300	340	
46	Hẻm số 6	Quốc lộ 1	Kênh thủy lợi	300	340	
47	Hẻm số 3	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Dương Thị Oanh	300	340	
48	Hẻm số 2	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	
49	Hẻm số 8	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	
50	Hẻm số 9	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	
51	Tuyến đường dân sinh khóm 2 (cầu Giá Rai)	Chợ khóm 2	Kênh Phó Sinh (nhà ông Nguyễn Tấn Nghinh)	420	470	
	Khóm 4					
52	Đường vào Trường Tiểu học Giá Rai C (khóm 4)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết đường (kênh thủy lợi)	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
53	Tuyến đường chùa mới	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Bảy	300	340	
54	Tuyến Xóm Lưới	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	300	340	
55	Đường cầu Thanh niên	Cầu nhà ông Huỳnh Mười	Kênh Rạch Rắn	300	340	
56	Khu dân cư Nọc Nạng Đường số 1	Quốc lộ 1	Đường số 8	3,800	4,200	
57	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Chức	Đường số 9	1,700	2,300	
58	Đường số 3	Đường số 5	Đường số 10	1,700	2,300	
59	Đường số 4	Đường số 8	Giáp ranh Huyện đội	1,700	2,300	
60	Đường số 5	Đường số 2	Đường số 3	1,700	2,300	
61	Đường số 6	Đường số 3	Hết ranh Khu dân cư Nọc Nạng	2,400	2,700	
62	Đường số 7	Đường số 2	Đường số 3	2,400	2,700	
63	Đường số 8	Đường số 4	Hết ranh Khu dân cư Nọc Nạng	5,000	5,700	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
X	KHU VỰC PHƯỜNG HỘ PHÒNG					
1	Đường trước Ngân hàng Nông nghiệp	Ngã ba Bưu điện	Ngã ba bến xe - tàu (hết nhà Ba Mão)	2,100	2,800	
2	Đường 30/4	Đầu Voi Hộ Phòng - Chủ Chí	Ngã ba đông lạnh Hộ Phòng	720	1,000	
3	Tô Minh Xuyên	Hẻm số 4	Đường Phan Đình Giót	1,000	1,300	
4	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí (Tư Bình)	Quốc lộ 1	Ranh phía Bắc nhà ông Nguyễn Tấn Bửu	2,000	2,400	
		Ranh phía Bắc nhà ông Nguyễn Tấn Bửu	Giáp ranh xã Tân Phong	1,500	1,800	
5	Trần Văn Quý	Quốc lộ 1	Ngã ba Tân Thuận (đường lộ cũ)	4,000	4,300	
6	Đường 30/4 (ngã ba Tân Thuận đi ngã ba Tắc Sậy)	Ngã ba Tân Thuận	Hẻm số 6	1,400	1,700	
		Hẻm số 6	Giáp ranh Tắc Sậy - Tân Phong	900	1,000	
		Ngã ba Tân Thuận (đường lộ cũ)	Kho vật tư cũ (cầu Hộ Phòng)	4,000	4,400	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7	Đường 30/4	Cầu Hộ Phòng (dãy bờ sông)	Hết đường (nhà ông Thiều)	1,200	1,350	
8	Lê Văn Tám (đường số 1)	Quốc lộ 1	Nguyễn Quốc Hương	8,000	8,500	
		Nguyễn Quốc Hương	Kênh Lái Niên	5,000	5,700	
		Kênh Lái Niên	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1)	1,000	1,300	
9	Nguyễn Văn Nguyên (đường số 2)	Quốc lộ 1	Nguyễn Quốc Hương	6,000	6,500	
10	Trần Văn Ôn (đường số 3)	Nguyễn Quốc Hương	Cao Triều Phát	5,000	5,700	
11	Huỳnh Hoàng Hùng (đường số 4)	Quốc lộ 1	Từ Minh Khánh	7,000	7,500	
12	Cao Triều Phát (đường số 5)	Lê Văn Tám	Hết đường (giáp chùa Long Đức)	5,500	5,800	
13	Từ Minh Khánh (đường số 6)	Lê Văn Tám	Huỳnh Hoàng Hùng	6,800	7,200	
		Huỳnh Hoàng Hùng	Hết đường (sông Hộ Phòng - Chú Chí)	4,000	4,600	
14	Nguyễn Quốc Hương (đường số 7)	Lê Văn Tám	Huỳnh Hoàng Hùng	7,000	7,500	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
15	Đường vào chùa	Quốc lộ 1 (nhà ông Lưu Minh Lập)	Ranh phía Nam nhà ông Trần Văn Thiều	4,000	4,500	
		Ranh phía Nam nhà ông Trần Văn Thiều	Hết ranh đường bê tông (nhà ông Châu Văn Toàn)	1,500	1,700	
16	Tuyến phà ấp 4	Ranh chùa Khorme cũ	Cầu Sắt	300	340	
17	Tuyến kinh lộ cũ	Ranh chùa Khorme cũ	Ranh ấp 4 Phường 1	270	320	
18	Đường ngang qua nhà ông Nguyễn Thanh Dũng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khánh	Giáp ranh xã Long Điền - Đông Hải	270	320	
		Đầu Voi (ấp 4)	Hết đường (nhà ông Huỳnh Bé Mười)	270	320	
19	Đường vành đai Hộ Phòng	Cầu Nọc Nặng 2	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1)	1,000	1,300	
20	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1A) (áp dụng suốt tuyến bao gồm phường Hộ Phòng và xã Tân Phong	Quốc lộ 1 (ấp 1)	Quốc lộ 1 (giáp ranh Tân Phong)	2,000	2,400	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
21	Phan Đình Giót (đường Thanh niên)	Quốc lộ 1	Tô Minh Xuyên	2,000	2,400	
		Tô Minh Xuyên	Đập Ba Túc + 100m	1,500	1,800	
		Đập Ba Túc + 100m	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	1,000	1,300	
22	Châu Văn Đặng (đường cầu Trắng)	Phan Đình Giót	Đường tránh Hộ Phòng (QL 1)	1,500	1,800	
		Đường tránh Hộ Phòng (QL 1)	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	1,000	1,300	
23	Đường phía Đông nhà thờ Ninh Sơn	Đầu đường nhà ông Nguyễn Hải Đăng	Hết ranh đất nhà bà Phan Thị Diệp	500	600	
	Khóm 1					
24	Đường lộ cũ ấp 1	Ngã ba đông lạnh Hộ Phòng	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Thanh Tâm	500	620	
25	Đường Trạm quản lý cống	Bắt đầu từ ranh đất chùa Hải An	Ranh Phong Thạnh A	350	420	
26	Đường dọc bờ sông (ấp 1)	Cầu Hộ Phòng	Hết đường (nhà ông Lưu Quốc Nam)	500	620	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
27	Đường phía Đông Trung tâm Dạy nghề	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	Đường tránh tuyến	500	620	
28	Đường phía Tây Trung tâm Dạy nghề	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông thầy Bình	Hết đường (nhà ông Nguyễn Thanh Phong)	500	620	
29	Đường phía Đông kênh Ba Túc	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Giang Anh	Đến hết ranh đất nhà Châu Như Truyền	500	620	
30	Đường phía Tây kênh Ba Túc	Bắt đầu từ ranh đất cơ sở tôm giống ông Cụng	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Hiền	500	620	
31	Hẻm số 3	Quốc lộ 1	Hẻm 14 (hết ranh nhà bà Lê Việt Thu)	500	620	
32	Hẻm số 4 (Trường Tiểu học Hộ Phòng)	Quốc lộ 1	Hết đường	1,000	1,200	
33	Hẻm số 5 (hẻm hăng nước đá)	Quốc lộ 1	Ngã ba xuất khẩu	1,000	1,200	
34	Hẻm số 6 (hẻm Bá Toàn)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,000	1,200	
35	Hẻm số 7 (hẻm Xuân Hen)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,000	1,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
36	Hẻm số 8 (chùa mới Hộ Phòng)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Tèo	1,000	1,200	
27	Hẻm số 9	Quốc lộ 1	Hết đường	1,000	1,200	
38	Hẻm số 13	Đầu đường nhà bà Nguyễn Dương Thùy Loan	Hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Dal	500	580	
39	Hẻm số 15 (Nhà máy Hòa Phong cũ)	Phan Đình Giót	Kênh xáng Hộ Phòng - Chủ Chí	620	680	
40	Hẻm số 19 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà Máy Thanh Hùng)	Hết đường (nhà Nguyễn Thị Diệp)	620	680	
41	Hẻm số 20 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà Nguyễn Văn Mau)	Hết đường (nhà ông Nguyễn Văn Sáu)	620	680	
42	Hẻm số 21	Đường Thanh niên (nhà ông Nguyễn Văn Hùng)	Hết đường (nhà bà Trần Mỹ Dung)	500	580	
43	Hẻm số 23 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà ông Khởi NH Chính sách)	Hết đường (nhà Thái Thành Nghiệp)	620	680	
44	Hẻm số 24 (ngang hẻm trụ sở ấp 1)	Phan Đình Giót	Giáp kênh Ánh Xuân	500	580	
45	Hẻm số 26	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Phước Sơn	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Bích Liên	500	580	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
46	Tuyến nhà ông Bùi Xuân Kiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Công Thạch	Đến hết ranh đất nhà Dương Văn Đoàn	500	580	
47	Đường vào nhà bà Trần Thị Nho	Đường Phan Đình Giót	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Mạnh	500	580	
48	Đường Lò Rèn	Giáp hẻm số 4	Đến hết ranh đất nhà ông Từ Khuol	500	580	
49	Đường sau Trường Tiểu học Hộ Phòng B	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Huệ	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Lành	500	580	
50	Khu nhà ông Được (bến xe)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,500	1,650	
51	Hẻm số 12 (cặp phòng KT - HT cũ)	Đường trước Ngân hàng Nông nghiệp	Đường 30/4	700	780	
52	Đường vào Công an phường Hộ Phòng	Cửa hàng VLXD Hộ Phòng	Phước Đức Cỏ Miếu	500	580	
53	Hẻm cặp nhà ông Kim Phương	Đập Nhỏ	Đến hết ranh đất nhà ông Trương Văn Cường	500	580	
54	Hẻm nhà Hoàng Anh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng	Cổng trường cấp 2	1,000	1,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Cổng trường cấp 2	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Thắng	400	460	
55	Đường nhà ông Trần Hồng Quân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Tám	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Huệ	500	570	
	Khóm 2					
56	Đường chợ cũ (phía Đông)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	7,000	8,000	
57	Đường chợ cũ (phía Tây)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	7,000	8,000	
58	Hẻm số 6 (hẻm hăng nước đá cũ)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	2,000	2,800	
59	Hẻm Tự Lực	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà ông Diệp Văn Hiệp)	2,500	3,100	
60	Hẻm số 4 (hẻm phé liệu)	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà ông Hàn Minh Toàn)	1,000	1,300	
61	Hẻm số 5 (hẻm Thanh Tâm)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,000	1,300	
62	Hẻm số 8 (nhà ông Quý đến nhà ông Sinh)	Đường Lê Văn Tám	Hết đường (nhà ông Nguyễn Văn Sinh)	1,000	1,300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
63	Hẻm nhà ông Nguyễn Hoàng Khang	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Quý	500	580	
64	Hẻm số 7 (dãy nhà thầy Nhạn)	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Bích Loan	650	720	
65	Hẻm số 1 (cặp nhà ông Lến, Hoàng Thám)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Ngọc Minh	2,000	2,400	
66	Đường sau nhà ông Đạm (khu Việt - Úc)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đạm	Chùa Long Đức	500	580	
67	Hẻm số 3 (đường nhà ông Trí)	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Quý	2,000	2,400	
68	Hẻm số 2 (đường Ngân hàng Chính sách)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Lưu Thị Út	2,000	2,400	
69	Hẻm cặp nhà ông Huỳnh Văn Bình	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà ông Quách Hon	500	580	
70	Hẻm số 10 (hẻm nhà bà Liễu)	Đường vào chùa	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Liễu	500	580	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
71	Hẻm số 11 (hẻm nhà ông Trương Văn Bạch)	Đường vào chùa	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Kiệt	500	580	
	Khóm 3					
72	Tuyến dọc kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Thanh Phong (xăng dầu)	Hết đường (cấp kênh xáng CM - BL)	350	420	
73	Tuyến dọc kênh Hộ Phòng - Gành Hào	Bến phà cũ	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	350	420	
		Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	Giáp ấp Quyết Thắng	270	320	
74	Tuyến Bảy Gõ	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	Giáp kênh Bảy Gõ	320	360	
	Khóm 5					
75	Hẻm số 5	Quốc lộ 1 (phía Tây nhà bà Nguyễn Thị Sáu)	Giáp kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,000	1,200	
76	Đường cấp nhà Nguyễn Thị Quế	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà bà Thái Văn Oai)	1,000	1,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
77	Đường vào Trường Tiểu học Hộ Phòng C	Quốc lộ 1	Trường Tiểu học Hộ Phòng C	1,000	1,200	
78	Đường cấp nhà ông Hữu Hạnh (hẻm 4)	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà Hoàng Đức Dưỡng)	1,000	1,200	
79	Đường vào Trạm biến điện	Quốc lộ 1	Trạm biến điện (nhà ông Châu Văn Thâm)	2,000	2,200	
80	Cổng Nọc Nạng	Quốc lộ 1	Cổng Nọc Nạng	1,000	1,200	
		Cổng Nọc Nạng	Đến hết ranh đất nhà ông Danh Xem	500	580	
81	Đường dân sinh cầu Nọc Nạng	Phía Nam Quốc lộ 1: Ranh bờ sông (nhà ông Trần Văn Sang) hết chân cầu (nhà bà Lương Thị Hường)		2,000	2,200	
		Phía Bắc Quốc lộ 1: Ranh bờ sông (nhà ông Vũ Văn Quân) hết chân cầu (nhà bà Phạm Thị Thanh)		1,200	1,350	
82	Hẻm số 2	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà ông Nguyễn Việt Triều)	1,000	1,200	
83	Hẻm số 3 (nhà Lâm Ba)	Quốc lộ 1	Hết ranh đất đất nhà bà Ngoạn	1,000	1,200	
84	Hẻm số 10	Quốc lộ 1 (nhà bà Nguyễn Thị The)	Hết đường (nhà ông Trần Đình Liên)	500	580	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
85	Hẻm số 12	Quốc lộ 1 (nhà nuôi yến Trần Quang Xuyên)	Đến hết ranh đất nhà ông Nghĩa	1,500	1,750	
86	Hẻm số 15 (phía Đông Nhà thờ Ninh Sơn)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu đến hết đường	500	580	
87	Hẻm số 17 (phía Tây Nhà thờ Ninh Sơn)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu đến hết đường về phía Tây (KDC ấp 5)	500	580	
88	Hẻm số 6	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chuẩn	500	580	
89	Hẻm số 7 (nhà ông Chế Văn Công)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Phích	500	580	
90	Hẻm số 8 (nhà ông Ngô Mộng Xuân)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	500	580	
91	Đường Khu dân cư Thành Trung	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Hoa	1,500	1,800	
92	Hẻm Trung Kiên	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Đào Văn Sự	500	580	
93	Đường phía Đông chợ Nọc Nặng	Quốc lộ 1 (nhà ông Đinh Phi Hỗ)	Hết đường (nhà ông Đinh Văn Dánh)	900	1,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
94	Đường phía Tây chợ Nọc Nặng	Quốc lộ 1 (nhà ông Châu Văn Cam)	Hết đường (nhà bà Trần Thị Nhật)	900	1,000	
95	Hẻm Nhà trẻ Hoa Hồng	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất Nhà trẻ Hoa Hồng	500	580	
96	Hẻm số 14	Đầu đường nhà bà Dương Thị Sương (giáp Quốc lộ 1)	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Loan	500	580	
97	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Giáp ranh Phường 1	Giáp ấp Đấu Lá xã Long Điền	500	1,000	
	KHU DÂN CƯ ĐẠI LỘC					
98	Đường vào KDC Công ty Đại Lộc khu A	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà ông Thạch Hòa Hiệp)	6,000	6,800	
99	Đường nội bộ KDC Công ty Đại Lộc khu A (đường số 1, 2, 4)	Nguyên tuyến		4,000	4,800	
100	Đường số 7 KDC Công ty Đại Lộc khu B và khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng	Đường Quốc lộ 1A	Cuối đường	1,500	6,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
101	Đường nội bộ KDC Công ty Đại Lộc khu B	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Cuối đường	1,500	4,200	
102	Đường Khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng (đường số 2)	Đường Nguyễn Quốc Hương	Đường số 07		5,500	Bổ sung
103	Đường nội bộ khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng (đường số 3, 4, 5, 6)	Nguyên tuyến			5,200	Bổ sung
104	Đường vào khu đất thánh	Quốc lộ 1	Đường Vành Đai	1,000	1,500	
105	Đường dân sinh cầu Khóm 2	Phía Nam Quốc lộ 1 (nhà ông Bửu Điền)	Kênh xáng Hộ Phòng	2,500	3,200	
		Phía Nam Quốc lộ 1 (nhà ông Trần Hồng Lեն)	Kênh xáng Hộ Phòng	2,500	3,200	

PHỤ LỤC 06
Bảng giá điều chỉnh đất ở thị trấn, đầu mối giao thông, trung tâm xã huyện Phước Long - tỉnh Bạc Liêu

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	THỊ TRẤN PHƯỚC LONG					
	Đường bờ Bắc - kênh Quản lộ - Phụng Hiệp					
1		Bắt đầu từ cầu 30/4 (kênh Cộng Hòa)	Đến kênh Tài Chính (khu Hành chính)	2,300	2,600	
2		Kênh Tài Chính (Ba Tụ)	Đến kênh cầu Cháy			
		+ Trên lộ		1,300	1,450	
		+ Dưới lộ		1,100	1,280	
3		Bắt đầu từ kênh cầu Cháy	Đến kênh thủy lợi (gần Nhà máy Lợi Đạt)			
		+ Trên lộ		1,000	1,100	
		+ Dưới lộ		800	900	
4		Bắt đầu từ kênh thủy lợi (gần Nhà máy Lợi Đạt)	Đến cầu kênh xáng Hòa Bình (cầu Trắng)			
		+ Trên lộ		950	1,050	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Dưới lộ		800	900	
5		Bắt đầu từ cầu kênh xáng Hòa Bình (cầu Trắng)	Đến giáp ranh H. Hồng Dân			
		+ Trên lộ		750	800	
		+ Dưới lộ		650	700	
6		Bắt đầu từ bờ Tây kênh cầu Tài Chính	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		780	850	
		+ Dưới lộ		600	700	
7		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến ngã ba ông Bững	650	750	
8		Bắt đầu từ bờ Đông kênh cầu Tài Chính	Đến kênh 1.000	500	640	
9	Lộ sau Huyện ủy	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (đường Yên Mô phía Nam)	1,400	1,650	
		Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (đường Yên Mô phía Bắc)	1,400	1,650	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
10	Phía Đông kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ cầu 30/4	Đến kênh 1.000 vào trong (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		800	900	
		+ Dưới lộ		650	750	
11	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ cầu 30/4	Đến kênh 1.000 vào trong (bờ Tây)			
		+ Trên lộ		750	800	
		+ Dưới lộ		600	700	
12		Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến hết cầu Phước Long 2			
		+ Trên lộ		1,300	1,450	
		+ Dưới lộ		900	1,050	
13		Bắt đầu từ hết cầu Phước Long 2	Đến hết ranh hăng mủ			
		+ Trên lộ		900	1,000	
		+ Dưới lộ		720	850	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
14		Bắt đầu từ hết ranh hăng mủ	Đến giáp ranh xã Phước Long			
		+ Trên lộ		700	800	
		+ Dưới lộ		500	600	
15		Bắt đầu từ kênh 2.000 (lộ Phước Long - Vĩnh Mỹ)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Bắc)	350	400	
16		Từ cầu Xã Tá	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	450	500	
17		Bắt đầu từ cầu Xã Tá	Đến hết ranh Nghĩa trang			
		+ Trên lộ		800	850	
		+ Dưới lộ		550	600	
18		Bắt đầu từ hết ranh Nghĩa trang	Đến hết ranh Khách sạn Hoàng Châu			
		+ Trên lộ		1,100	1,200	
		+ Dưới lộ		750	900	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19		Bắt đầu từ hết ranh Khách sạn Hoàng Châu	Đến ranh cầu Phước Long			
		+ Trên lộ		1,400	1,500	
		+ Dưới lộ		1,100	1,250	
20		Bắt đầu từ ranh cầu Phước Long	Đến cầu Sắt			
		+ Trên lộ		2,500	3,000	
		+ Dưới lộ		2,000	2,600	
21		Bắt đầu từ cầu Sắt	Đến cầu Phước Long 2			
		+ Trên lộ		1,000	1,100	
		+ Dưới lộ		850	950	
22		Bắt đầu từ cầu Phước Long 2	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây			
		+ Trên lộ		750	820	
		+ Dưới lộ		600	660	
23		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 4.000	650	700	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
24		Bắt đầu từ cầu kênh 1.000 (bờ Đông)	Đến giáp ranh xã Phước Long (vô Vườn cò)	650	700	
25		Bắt đầu từ cầu kênh xáng Hòa Bình (cầu Trắng)	Đến giáp ranh huyện Hồng Dân (bờ Tây)	650	700	
Đường bờ Nam - kênh Quản lộ - Phụng Hiệp						
26		Bắt đầu từ kênh xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (bờ Đông)	1,300	1,400	
27		Bắt đầu từ kênh xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (bờ Tây)	1,500	1,600	
28		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô) (Quản lộ - Phụng Hiệp), bờ Nam	1,200	1,300	
29		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô) (Quản lộ - Phụng Hiệp), bờ Bắc	1,000	1,100	
30		Bắt đầu từ cầu Ba Rô (Hoa Rô, Quản lộ - Phụng Hiệp)	Đến kênh miếu Bà áp Long Đức	550	600	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
31		Bắt đầu từ kênh miếu Bà áp Long Đức	Đến cầu Ba Phát	500	560	
32		Bắt đầu từ cầu Ba Phát	Đến cầu Mười Hai (giáp VP. Đông)	450	490	
33		Bắt đầu từ cầu Ba Rô (Hoa Rô, Quản lộ - Phụng Hiệp) bờ Bắc	Đến cầu Ba Phát	400	450	
34		Bắt đầu từ lộ Ba Rô (Hoa Rô)	Đến hết ranh Hãg nước đá Vĩnh Hảo			
		+ Trên lộ		800	870	
+ Dưới lộ			650	710		
35		Bắt đầu từ hết ranh Hãg nước đá Vĩnh Hảo	Đến giáp ranh cầu xã Vĩnh Phú Đông			
+ Trên lộ			750	800		
+ Dưới lộ			600	660		
36		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Đông (bờ Nam TTPL)	Đến cầu Quản lộ - Phụng Hiệp	250	280	
Phía Đông Cầu Số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long						

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
37		Từ trụ sở ấp Nội Ô	Đến cầu Quản lộ - Phụng Hiệp			
		+ Trên lộ		2,500	3,000	
		+ Dưới lộ		2,200	2,600	
38		Bắt đầu từ cầu Quản lộ - Phụng Hiệp	Đến hết ranh kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	1,100	1,200	
39		Bắt đầu từ hết ranh kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	Đến cầu Hai Niệm	800	920	
40		Bắt đầu từ cầu Hai Niệm	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông			
		+ Trên lộ		600	670	
		+ Dưới lộ		500	570	
41		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (bờ Tây)	3,000	3,600	
42		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (bờ Đông)	2,500	3,100	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
43		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến ngã ba lộ ấp Phước Thuận đầu nối ra Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	1,700	1,900	
44	Lộ ấp Phước Thuận đầu nối ra QL Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ lộ ấp Phước Thuận 1 đi xã Vĩnh Phú Đông	Đến giáp Quản lộ - Phụng Hiệp (02 bên)	1,100	1,200	
45		Bắt đầu từ ranh nhà Bác sĩ Đức	Đến lộ Ba Rô (2 bên lộ)	2,500	2,800	
46		Bắt đầu từ kênh xáng Phụng Hiệp	Trường mẫu giáo	2,200	2,300	
47		Bắt đầu từ kênh xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 3 lộ nhà Bác sĩ Đức - lộ Ba Rô	2,000	2,150	
48		Bắt đầu từ lộ cầu Đức Thành I	Đến hết ranh Trường cấp I B (lộ sau 2 bên)	3,500	3,700	
49		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp IB	Đến lộ Hoa Rô (2 bên lộ)	1,800	2,000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
50	Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	Đến cầu Hoa Rô	1,200	1,300	
		Bắt đầu từ cầu Hoa Rô	Đến hết ranh Cửa hàng Xăng dầu PVoil	2,000	2,150	
		Bắt đầu từ hết ranh Cửa hàng Xăng dầu PVoil	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	1,200	1,300	
51	Đường Nho Quan	Bắt đầu từ lộ Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến giáp Quản lộ Phụng Hiệp	2,000	2,150	
52	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ cầu Phước Long 2	Đến ngã 4 Quản lộ Phụng Hiệp (bệnh viện mới)	2,000	2,150	
		Bắt đầu từ ngã 4 Quản lộ Phụng Hiệp (bệnh viện mới)	Đến hết ranh kênh 1000	2,000	2,150	
		Bắt đầu từ kênh xáng Phụng Hiệp	Đến ranh nhà Chín Thọ	1,000	1,100	
		Bắt đầu từ hết ranh kênh 1000	Đến ngã 3 Phước Long Vĩnh Mỹ	1,500	1,650	
		Bắt đầu từ đường dẫn cầu Phước Long	Đến kênh 500 ấp Long Hòa	1,200	1,300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ kênh 500 ấp Long Hòa	Đến kênh 1000	800	880	
		Bắt đầu từ ngã 3 ông Bững	Đến ngã 3 Năm Cù (bờ Nam)	250	280	
		Bắt đầu từ ngã 3 ông Bững	Đến giáp ranh huyện Hồng Dân	250	280	
		Bắt đầu từ cầu kênh miếu Bà	Đến ngã 3 Năm Cù (bờ Bắc)	250	280	
53	Đường khu Hành chính	Bắt đầu từ Công an huyện	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Hoàng Ân	900	950	
		Bắt đầu từ Kho bạc Nhà nước	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Chương	900	950	
		Bắt đầu từ Ngân hàng Nông nghiệp	Đến hết ranh nhà ông Mai Văn Ngẫu	900	950	
54	Tuyến Trung tâm Thương mại	Bắt đầu từ ngã 3 Trần Hồng Dân	Đến Quản lộ - Phụng Hiệp ấp Long Đức	2,000	2,150	
55	Đường cầu Ba Rô (Hoa Rô)	Bắt đầu từ kênh xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 4 đường Trần Hồng Dân (hai bên lộ)	1,500	1,650	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
56	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 250 từ kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn cầu Phước Long 2 (hai bên lộ)		700	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 250 (giáp đường dẫn cầu Phước Long 2, bờ Bắc	Đến kênh 500 (đến nhà ông Mười Te)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 500 từ kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn cầu Phước Long 2 (bờ Bắc)		700	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 500 từ đường dẫn cầu Phước Long 2	Đến giáp ranh kênh 750 (bờ Bắc)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 750 từ kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn cầu Phước Long 2 (bờ Nam)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 750 từ đường dẫn cầu Phước Long 2	Đến kênh Vườn cò (bờ Bắc)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 2000 từ kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Phước Long (bờ Bắc)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 3000 từ kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Phước Long (bờ Nam)		500	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ nhà ông Trương Văn Lâm	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Minh (kênh miếu Bà)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B	Đến kênh 1000 (bờ Tây, tuyến kênh vườn cò)		600	Bổ sung
57	Phía Đông kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 1000	Đến kênh 3000		600	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 3000	Đến kênh 6000		500	Bổ sung
58	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ kênh 750 từ kênh Tài Chính	Đến giáp kênh Cộng Hòa (tuyến lộ bê tông nhà ông Út Nhỏ)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Hải	Đến kênh 1000 (bờ Đông)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 1000 kênh Tài Chính	Đến kênh 1000 kênh Cộng Hòa (bờ Nam)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ kênh 750 kênh Tài Chính (bờ Nam)	Đến kênh 500 kênh Cộng Hòa (bờ Bắc)		500	Bổ sung
59	Kênh cầu Cháy	Bắt đầu từ đường Phước Long - Ninh Quới	Đến kênh Tài Chính (bờ Nam)		800	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
60	Phía Đông Cầu Số 2 (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Bắt đầu từ kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến cầu Ba Phát (bờ Bắc)		500	Bổ sung
		Bắt đầu từ miếu Bà (khu tự Long Đức)	Đến giáp ranh kênh 2000 (bờ Đông)		500	Bổ sung
II	XÃ HƯNG PHÚ					
1	Khu vực chợ	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (Rọc lá 1)	Đến hết ranh trường cấp II			
		+ Trên lộ		1,300	1,400	
		+ Dưới lộ		900	1,000	
2		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp II	Đến cầu Đất Phèn giáp xã Vĩnh Hưng A			
		+ Trên lộ		800	880	
		+ Dưới lộ		600	670	
3	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc Lá 1)	Đến hết ranh trạm y tế	900	1,000	
4	Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc Lá 1)	Đến cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Trên lộ		1,300	1,400	
		+ Dưới lộ		1,000	1,150	
5		Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)	Đến cầu Tư Tuyền	360	400	
6	Áp Mỹ Tường I đường Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)	Đến cầu Ba Phong			
		+ Trên lộ		700	760	
		+ Dưới lộ		600	650	
7	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ trạm y tế	Đến cầu ông Phương (Tường 2)	550	600	
8		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Xương	Đến cầu Bảy Việt (Mỹ Hòa)	400	440	
9		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thủy	Đến cầu Tư Hảo (Mỹ Hòa - Mỹ Trinh)	350	380	
10		Bắt đầu từ Đất Phèn	Đến cầu ông Quân (áp Tường 2)	300	340	
11		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đàm	Đến giáp ranh Vĩnh Phú Đông	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12		Bắt đầu từ cầu Ba Phong	Đến giáp ranh Vĩnh Phú Đông (nhà Phùng Văn Thao)			
		+ Trên lộ		650	700	
		+ Dưới lộ		500	550	
13	Ấp Tường II	Bắt đầu từ nhà Nguyễn Văn Phương	Đến hết ranh trường tiểu học			
		+ Trên lộ		700	760	
		+ Dưới lộ		500	560	
14		Bắt đầu từ hết ranh trường tiểu học	Đến giáp ranh H. Hòa Bình			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		300	370	
15		Bắt đầu từ cầu nhà bà Mười Y	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	450	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16	Kênh xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	Đến giáp ranh H. Vĩnh Lợi (bên lộ nhựa)			
		+ Trên lộ		400	450	
		+ Dưới lộ		350	380	
17		Bắt đầu từ cống ông Cự	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (kênh Thầy Thép) - Mỹ Tường 1	350	380	
18		Bắt đầu từ cầu Biện Tôn	Đến cầu ông Thiết - Mỹ Tường 1	350	380	
19		Bắt đầu từ cầu Tư Mập	Đến kênh Phước Long - Vĩnh Mỹ (giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông)	300	340	
20	Đường cặp kênh Tân An	Đường Nguyễn Thị Mười	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	250	280	
21	Tuyến đường kênh Cơ Sáu	Bắt đầu từ cầu nhà 3 Thu	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hưng A	500	550	
22	Tuyến kênh Tư Đen	Bắt đầu từ cầu nhà ông Phong (ấp Mỹ Tường 2)	Đến cầu 3 Quý (giáp lộ bê tông ấp Mỹ Trinh)		350	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
23	Tuyến kênh 3 Phong	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới (nhà ông Lâm Thanh Phong)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (nhà ông 6 Sóng)		350	Bổ sung
24	Tuyến kênh xáng cụt	Bắt đầu từ cầu 3 Cứng, ấp Vĩnh Tường (lộ bê tông nhà ông Trần Văn Út)	Đến lộ bê tông nhà ông Dương Văn Liêm (ấp Tường Tư)		300	Bổ sung
25	Tuyến vào chợ Rọc Lá	Bắt đầu từ đầu lộ tuyến Nguyễn Thị Mười	Đến giáp lộ 2 Huệ - Tư Tuyền		900	Bổ sung
III	XÃ PHƯỚC LONG					
	Khu vực chợ (nhánh về thị trấn Phước Long)					
1		Bắt đầu từ Đầu Voi - chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiên)	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến			
		+ Trên lộ		3,000	3,200	
		+ Dưới lộ		2,700	2,800	
2		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến	Đến hết ranh trạm y tế			
		+ Trên lộ		3,000	3,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Dưới lộ		2,600	2,800	
3		Bắt đầu từ hết ranh trạm y tế	Đến hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy			
		+ Trên lộ		1,600	1,700	
		+ Dưới lộ		1,100	1,300	
4		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy	Đến hết ranh chòm mã (Phước Thọ)			
		+ Trên lộ		1,000	1,100	
		+ Dưới lộ		700	800	
5		Bắt đầu từ hết ranh chòm mã (Phước Thọ)	Đến hết ranh chòm mã tại Xã Thoàn			
		+ Trên lộ		700	770	
		+ Dưới lộ		550	600	
Khu vực cầu Xã Thoàn						
6		Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại Xã Thoàn	Đến hết ranh Cây xăng Khánh Tôn			
		+ Trên lộ		800	870	
		+ Dưới lộ		600	670	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7		Bắt đầu từ hết ranh Cây xăng Khánh Tôn	Đến cầu Xã Toàn			
		+ Trên lộ		1,100	1,200	
		+ Dưới lộ		900	1,000	
8		Cầu Xã Toàn	Đến hết ranh nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	500	550	
9		Bắt đầu từ nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi	Đến kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	400	440	
10		Bắt đầu từ kênh 500	Đến kênh 1.000	380	420	
11		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 3.000	350	380	
12		Bắt đầu từ nhà miếu cầu Xã Toàn	Đến hết ranh nhà Út Triều (trên, dưới)	350	380	
13		Bắt đầu từ cầu hết ranh nhà Út Triều	Đến kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	350	380	
14		Bắt đầu từ nhà ông Quách Chuối	Đến hết ranh đất ông Dương Văn Phi (hai bên)	330	360	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
15		Bắt đầu từ cầu Xã Toàn	Đến hết ranh Trường Tiểu học A			
		+ Trên lộ		800	880	
		+ Dưới lộ		600	680	
16		Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu học A	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long			
		+ Trên lộ		650	710	
		+ Dưới lộ		550	610	
17	Khu vực chợ	Bắt đầu từ Đầu Voi - chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiên)	Đến hết ranh VLXD Thanh Hải			
		+ Trên lộ		2,600	2,800	
		+ Dưới lộ (nhà ông Phạm Hoàng Tân)		2,300	2,500	
18		Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thanh Hải	Đến hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P.Thành)			
		+ Trên lộ		1,800	2,000	
		+ Dưới lộ		1,200	1,400	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành)	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		1,200	1,400	
		+ Dưới lộ		850	1,000	
20		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 2.000			
		+ Trên lộ		800	870	
		+ Dưới lộ		700	770	
21		Bắt đầu từ kênh 2.000	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi (Phước Trường)			
		+ Trên lộ		400	450	
		+ Dưới lộ		350	400	
22		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Nàng (Phước Tân)			
		+ Trên lộ		1,200	1,300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Dưới lộ		850	1,000	
23		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân)	Đến kênh 2.000			
		+ Trên lộ		800	870	
		+ Dưới lộ		600	680	
24		Bắt đầu từ kênh 2.000	Đến kênh 6000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Ninh)			
		+ Trên lộ		400	450	
		+ Dưới lộ		350	390	
25	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh cầu Phó Sinh 2			
		+ Trên lộ		1,300	1,400	
		+ Dưới lộ		1,050	1,100	
26		Bắt đầu từ hết ranh cầu Phó Sinh 2	Đến hết ranh Nhà máy nước đá Vĩnh Hảo			
		+ Trên lộ		1,100	1,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Dưới lộ		850	970	
27		Bắt đầu từ hết ranh Nhà máy nước đá Vĩnh Hảo	Đến hết ranh nhà ông Trần Hên (VLXD)			
		+ Trên lộ		650	720	
		+ Dưới lộ		450	530	
28		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Trần Hên (VLXD)	Đến đập giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		450	480	
29		Bắt đầu từ đầu Trường Tiểu học C (ranh thị trấn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi (đầu kinh 3.000)	250	280	
30	Nhánh kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ hết ranh kênh 4.000 (giáp ranh thị trấn Phước Long)	Đến kênh 6.000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Hồng Dân)	600	650	
31	Cầu Phó Sinh - trạm y tế	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Dương Văn Vũ (phía sau)	Đến hết ranh Trạm Y tế xã	1,800	1,900	
32	Đường dẫn cầu Phó Sinh 2	Đầu cầu Phó Sinh 2	Đến hết đường dẫn	700	800	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ đường nối từ cầu Phó Sinh 2	Đến lộ Phước Tân - Phước Ninh	1,100	1,150	
		Bắt đầu từ Xã Thoàn (bắt đầu ranh đất nhà ông Vạn)	Đến kênh 500 (bờ Tây)	500	550	
		Bắt đầu từ kênh 500 (bờ Tây)	Đến kênh 1000 (bờ Tây) Phước Thọ Tiền	400	450	
		Bắt đầu từ kênh 1000 (bờ Tây)	Đến kênh 3000 (bờ Tây) Phước Thọ Tiền	350	380	
		Bắt đầu từ kênh 3000 (bờ Tây)	Đến kênh 6000 (bờ Tây) Phước Thọ Tiền	330	360	
33	Kênh Thọ Hậu cũ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Tâm	Đến kênh 6000 (Trường Tiểu học C)	350	380	
		Bắt đầu từ đầu kênh 3000	Đến giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Thọ Hậu)	350	380	
34	Tuyến áp Phước Tân	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Huỳnh Văn Minh)	Đến kênh Cô Chín (giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		500	Bổ sung
35	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà ông Nguyễn Văn Thống)	Đến kênh Cô Chín (giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
36	Tuyến ấp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Đoàn Văn Lợi)	Đến kênh Cô Chín (giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	Bổ sung
37	Tuyến ấp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lê Văn Thắng)	Đến kênh Cô Chín (giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	Bổ sung
38	Tuyến ấp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 6000 (nhà bà Lê Thị Muội)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sang		300	Bổ sung
39	Tuyến ấp Phước Thành	Bắt đầu từ đầu kênh Sóc Kha	Đến hết khu đất nhà ông Lê Văn Dũng		300	Bổ sung
40	Tuyến ấp Phước Thành	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Nguyễn Văn Thương)	Đến cống ông Lê Văn Cẩn		300	Bổ sung
41	Tuyến ấp Phước Thành	Bắt đầu cống ông Lê Văn Cẩn	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		500	Bổ sung
42	Tuyến ấp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà ông Đặng Văn Minh)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	Bổ sung
43	Tuyến ấp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà bà Trương Thị Phú)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
44	Tuyến áp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Nguyễn Văn Viễn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	Bổ sung
45	Tuyến áp Phước Thạnh	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Lê Văn Ký)	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long		300	Bổ sung
46	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà ông Huỳnh Văn Khai)	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long		300	Bổ sung
47	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Trần Văn Vũ)	Đến kênh Thọ Hậu cũ		300	Bổ sung
48	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lý Thanh Tuấn)	Đến kênh Thọ Hậu cũ		300	Bổ sung
IV	XÃ PHONG THẠNH TÂY B					
Tuyến kênh Phụng Hiệp						
1		Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (áp 4)	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau			
		+ Trên lộ		2,700	2,800	
		+ Dưới lộ		2,100	2,200	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2		Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành			
		+ Trên lộ		2,400	2,550	
		+ Dưới lộ		1,650	1,850	
3		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Lũy			
		+ Trên lộ		1,400	1,500	
		+ Dưới lộ		1,000	1,150	
4		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Lũy	Đến hết ranh miếu nhà ông Trung			
		+ Trên lộ		900	980	
		+ Dưới lộ		600	670	
5		Bắt đầu từ hết ranh miếu nhà ông Trung	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau)			
		+ Trên lộ		600	670	
		+ Dưới lộ		500	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
6	Đường nhánh	Cầu Trung ương Đoàn	Đến cầu kênh 1	500	550	
		Bắt đầu từ cầu kênh 1	Đến cầu kênh 2	400	440	
Tuyến Chủ Chí - chợ Hội						
7		Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (ấp 9)	Đến hết ranh Cây xăng Nguyễn Đồi			
		+ Trên lộ		2,700	2,850	
		+ Dưới lộ		2,100	2,300	
8		Bắt đầu từ hết ranh đất Cây xăng Nguyễn Đồi	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa			
		+ Trên lộ		1,700	1,850	
		+ Dưới lộ		1,000	1,200	
9		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ			
		+ Trên lộ		1,400	1,500	
		+ Dưới lộ		800	940	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
10		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ	Đến kênh 2.000			
		+ Trên lộ		700	760	
		+ Dưới lộ		600	650	
11		Bắt đầu từ kênh 4.000	Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)			
		+ Trên lộ		500	560	
		+ Dưới lộ		400	460	
Tuyến đường ấp 9B						
12		Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)	Đến ấp 9B đến đầu cầu Chủ Chí (bờ Bắc)			
		+ Trên lộ		2,400	2,500	
		+ Dưới lộ		2,100	2,200	
13		Bắt đầu từ cầu Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng			
		+ Trên lộ		1,600	1,650	
		+ Dưới lộ		1,200	1,300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
14		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công			
		+ Trên lộ		1,300	1,350	
		+ Dưới lộ		900	1,000	
15		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê			
		+ Trên lộ		900	1,000	
		+ Dưới lộ		650	700	
16		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê	Đến kênh 1000			
		+ Trên lộ		700	800	
		+ Dưới lộ		500	600	
17		Bắt đầu từ kênh 1000	Đến kênh 2000			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18		Bắt đầu từ kênh 4000	Đến kênh 8000, giáp ranh xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau			
		+ Trên lộ		450	480	
		+ Dưới lộ		400	430	
19	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ công ông Minh	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông			
		+ Trên lộ		1,150	1,250	
		+ Dưới lộ		800	900	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		540	620	
		+ Dưới lộ		450	500	
20	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (ấp 12)	Đến hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng (trên, dưới)	600	650	
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	Đến hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng (trên, dưới)	500	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai	380	400	
	Tuyến đường ấp 12					
21		Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt)	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		700	750	
		+ Dưới lộ		500	550	
22		Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A	Đến hết ranh nhà bà Mỹ A			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
23		Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A	Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)			
		+ Trên lộ		420	450	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Dưới lộ		330	360	
24	Tuyến Quản lộ - Phụng hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	Đến đầu cầu Chủ Chí	400	440	
25	Đường dẫn móng cầu Chủ Chí (bên chợ)	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Dũng ấp 2A	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đen ấp 4	2,100	2,200	
26	Tuyến kênh 1000 ấp 9B	Bắt đầu từ nhà bà Nguyễn Thị Tranh	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
27	Tuyến kênh 2000 ấp 9B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
28	Tuyến kênh 4000 ấp 9B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Khởi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
29	Tuyến kênh 6000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Văn Tuôi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
30	Tuyến kênh 7000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
31	Tuyến kênh 8000 áp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hiền	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	
32	Tuyến kênh 1000	Bắt đầu từ nhà bà Lê Thị Danh	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	Bổ sung
33	Tuyến kênh 4000	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Khởi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	Bổ sung
34	Tuyến kênh 2000	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	Bổ sung
35	Tuyến kênh 6000	Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Tuôi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		350	Bổ sung
36	Tuyến kênh 7000	Bắt đầu từ ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		350	Bổ sung
V	XÃ VĨNH PHÚ TÂY					
1		Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ (bờ Tây)	Đến kênh 1.000	350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
2		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến cầu trường học	300	340	
3		Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ	Đến cổng ông Bọng			
		+ Trên lộ		350	380	
4		+ Dưới lộ	Đến cầu Phó Sinh	300	340	
		Bắt đầu từ cầu nhà Mười Lược				
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
5		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh chùa Hưng Phước Tự			
		+ Trên lộ		450	480	
		+ Dưới lộ		320	350	
6		Bắt đầu từ hết ranh chùa Hưng Phước Tự	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		300	340	
		+ Dưới lộ		250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
7		Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông)	Đến ranh hạt giáp Giá Rai (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		270	300	
		+ Dưới lộ		250	280	
8		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh Cây xăng Lâm Xiệu			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
9		Bắt đầu từ hết ranh Cây xăng Lâm Xiệu	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Tây)			
		+ Trên lộ		450	480	
		+ Dưới lộ		300	340	
10		Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Tây)	Đến ranh xã Phong Thạnh, Giá Rai			
		+ Trên lộ		330	360	
		+ Dưới lộ		250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
11		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến kênh thủy lợi (cặp nhà ông Sáu Tre)			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
12		Bắt đầu từ kênh thủy lợi (cặp nhà ông Sáu Tre)	Đến giáp ranh ấp 1B xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		400	440	
		+ Dưới lộ		300	340	
13		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây	Đến cầu Quản lộ - Phụng Hiệp (bờ Tây)	400	440	
14		Bắt đầu từ cầu Quản lộ - Phụng Hiệp	Đến kênh 1.000, kênh Vĩnh Phong			
		+ Trên lộ		330	360	
		+ Dưới lộ		250	280	
15		Bắt đầu từ kênh 1.000 (cầu Vĩnh Phong)	Đến giáp xã Vĩnh Thanh	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây	Đến cầu Quản lộ - Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		350	380	
		+ Dưới lộ		250	280	
17		Bắt đầu từ cầu Quản lộ - Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông)	Đến kênh 500 (bờ Đông) hướng Vĩnh Phong	300	340	
18		Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ	Đến kênh 6 Hạo			
		+ Trên lộ		630	680	
		+ Dưới lộ		500	540	
19		Bắt đầu từ kênh 6 Hạo	Đến giáp ranh TT. Phước Long			
		+ Trên lộ		500	540	
		+ Dưới lộ		400	440	
20	Khu vực chùa CosĐon	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thanh (chùa CosĐon)	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 2000)	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
21		Bắt đầu từ cầu nhà ông Thanh	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 6000)	300	340	
22		Bắt đầu từ cầu nhà ông Thanh	Đến hết ranh thị trấn Phước Long	400	440	
23	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Phước Long	Đến cầu kinh mới (2 Đạo)	800	860	
24		Bắt đầu từ cầu kinh mới (2 Đạo)	Đến cống Út Hạnh	500	550	
25		Bắt đầu từ cống Út Hạnh	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	1,000	1,100	
26		Bắt đầu từ cầu Ba Âu	Đến cầu giáp xã Vĩnh Thanh (Chủ Đóng)	250	280	
27		Bắt đầu từ cầu kênh 2.000 (Út Ri)	Đến cầu giáp xã Vĩnh Thanh	250	280	
28		Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ trường học	Đến cầu Trung ương Đoàn 4.000 (Vườn cò)	250	280	
29	Đường dẫn cầu Phó Sinh 2	Đầu cầu Phó Sinh 2	Đến Cây xăng Lâm Xiệu	700	750	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
30	Tuyến lộ bê tông 2m	Bắt đầu từ đường từ cầu nhà ông Nguyễn Văn An	Đến cầu ấp Bình Thiện xã Vĩnh Thanh		300	Bổ sung
31	Tuyến lộ bê tông 3m ấp Bình Tốt	Bắt đầu từ cầu 8 Thành ấp Bình Tốt	Đến nhà ông Minh Cương ấp Bình Tốt B		400	Bổ sung
VI	XÃ VĨNH THANH					
	Tuyến Cầu Số 2 - Phước Long					
1		Bắt đầu từ giáp ranh huyện Hòa Bình	Đến cầu Vĩnh Phong			
		+ Trên lộ		650	700	
		+ Dưới lộ		550	600	
2		Bắt đầu từ cầu Vĩnh Phong	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lập			
		+ Trên lộ		850	900	
		+ Dưới lộ		600	700	
3		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lập	Đến hết ranh đất nhà ông Văn Công Ý - cầu Trương Tòa			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Trên lộ		1,200	1,300	
		+ Dưới lộ		1,000	1,100	
4		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Kim Ba - cầu Trường Tò	Đến hết ranh đất Cây xăng Đức Thành			
		+ Trên lộ		1,200	1,300	
		+ Dưới lộ		900	1,000	
5		Bắt đầu từ ranh đất Cây xăng Đức Thành	Đến ranh cổng Hai Tiệm			
		+ Trên lộ		1,000	1,100	
		+ Dưới lộ		900	950	
6		Bắt đầu từ cổng Hai Tiệm	Đến cầu Xã Tá			
		+ Trên lộ		700	760	
		+ Dưới lộ		550	600	
7		Bắt đầu từ cổng Cây Nhâm	Đến cầu miếu - Huê 2B, lộ bê tông 3m	400	440	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
8		Bắt đầu từ cầu Trường Tòa - Tường Thắng B	Đến cầu nhà ông Hà	550	590	
9		Bắt đầu từ cầu Tường Thắng B	Đến cầu 3 Tầng (Huê 2A)	550	590	
10		Bắt đầu từ cầu Tường Thắng B	Đến cầu 3 Tầng - Huê 2A, lộ bê tông 3m	550	590	
11		Bắt đầu từ cầu Xã Tá	Đến cầu Tư Nuôi (Huê 1) lộ bê tông 3m	300	340	
12		Bắt đầu từ cống Tư Quán	Đến cầu 9 Chánh - Vĩnh Bình B (Nhà Văn hóa ấp Tường 3A) lộ bê tông 3m	300	340	
13		Bắt đầu từ cống Hai Tiệm	Đến cầu 3 Tầng (ấp Huê 2A) lộ bê tông 3m	300	340	
14		Bắt đầu từ kênh 8.000	Đến cầu nhà ông Hiền (Vĩnh Bình B) lộ bê tông 3m	300	340	
VII	XÃ PHONG THẠNH TÂY A					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1		Bắt đầu từ Cầu Số 2, ấp 1A	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc)			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ	Đến kênh 3.000	500	550	
2		Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc)				
+ Trên lộ				500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
3		Bắt đầu từ Cầu Số 2, ấp 2B	Đến Trường THCS xã Phong Thạnh Tây A về hướng 8A (bờ Nam)			
		+ Trên lộ		900	960	
		+ Dưới lộ		800	870	
4		Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thạnh Tây A	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		800	870	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Dưới lộ		700	760	
5		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 4.000			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
6		Bắt đầu từ kênh 4.000	Đến hết áp 8B			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		400	440	
7		Bắt đầu từ Cầu Số 2, áp 2B	Đến hết ranh Thánh thất Thiện Tâm Đàn			
		+ Trên lộ		750	800	
		+ Dưới lộ		600	650	
8		Bắt đầu từ hết ranh Thánh thất Thiện Tâm Đàn	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B			
		+ Trên lộ		550	600	
		+ Dưới lộ		450	490	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
9		Bắt đầu từ Cầu Số 2, ấp 1A	Đến hết ranh Cây xăng Thuận Minh			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
10		Bắt đầu từ hết ranh Cây xăng Thuận Minh	Đến giáp ranh xã Phước Long			
		+ Trên lộ		500	550	
		+ Dưới lộ		450	490	
11		Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		400	440	
		+ Dưới lộ		300	340	
12		Bắt đầu từ Quản lộ - Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 1000m ấp 1B về Phong Thạnh - Giá Rai	250	280	
13		Bắt đầu từ Quản lộ - Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m ấp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	500	540	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
14		Vào 100m ấp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	Đến giáp xã Phong Thạnh - Giá Rai	350	380	
15	Tuyến Quản lộ - Phụng Hiệp - CM	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	400	440	
16	Đường dẫn Cầu Số 2 - QL Quản lộ - Phụng Hiệp	QL Quản lộ - Phụng Hiệp	Đến kênh xáng Phụng Hiệp	300	340	
17	Đường dẫn Cầu Số 2 - QL Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ QL Quản lộ - Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m ấp 1B về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	250	280	
18	Đường dẫn Cầu Số 2 - Quản lộ - Phụng Hiệp ấp 2B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong	Đến ranh đất nhà ông Ngô Văn Khôi	280	300	
19	Kênh 1000 ấp 1B, ấp 3	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	250	280	
20	Kênh 1000 ấp 1A, ấp 2B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
21	Kênh 2000 ấp 1A, ấp 8A, 2B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
22	Kênh 3000 ấp 8A	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
23	Kênh 4000 ấp 8A, 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
24	Kênh 5000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
25	Kênh 6000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
26	Kênh 7000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
27	Kênh 8000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	
28	Tuyến kênh Cô 9 (ấp 1A)	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B (nhà ông Trịnh Hoài Nhanh)	Đến kênh 1000		280	Bổ sung
29	Tuyến vào miếu Vinh Ông (ấp 8A)	Bắt đầu từ Nhà Văn hóa (ấp 8A)	Đến Vinh Ông		280	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
VIII	XÃ VINH PHÚ ĐÔNG					
1	Trung tâm xã	Bắt đầu từ UBND xã	Đến cầu Thầy Thép Quản lộ - Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Bắc)	500	540	
2		Bắt đầu từ UBND xã	Đến kênh Hòa Bình	500	540	
		+ Trên lộ		400	440	
3		Bắt đầu từ Quản lộ - Phụng Hiệp - Cà Mau	Đến kênh 1000 nhà bà Tư Nhiều (bờ Bắc)	350	380	
4		Bắt đầu từ kênh 1.000 nhà bà Tư Nhiều	Đến ngã tư Mười Khích	250	280	
5		Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn	Đến Cây Nhâm			
		+ Trên lộ		500	540	
		+ Dưới lộ		400	440	
6		Bắt đầu từ Cây Nhâm	Đến cầu Tám Ngọ			
		+ Trên lộ		500	550	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Dưới lộ		400	440	
7		Bắt đầu từ kênh Hòa Bình	Đến kênh 500 (bờ Đông)	300	340	
8		Bắt đầu từ kênh Hòa Bình	Đến kênh 500 (bờ Tây)			
		+ Trên lộ		400	440	
		+ Dưới lộ		360	400	
9		Bắt đầu từ kênh 500	Đến ngã tư Mười Khích (bờ Đông)	300	340	
10		Bắt đầu từ kênh 500	Đến ngã tư Mười Khích (bờ Tây)			
		+ Trên lộ		300	340	
		+ Dưới lộ		250	280	
11		Bắt đầu từ cầu Hòa Bình	Đến đập Kiểm Đê			
		+ Trên lộ		400	440	
		+ Dưới lộ		350	380	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12		Bắt đầu từ cầu Rạch Cũ	Đến nhà ông Võ Thành Đức			
		+ Trên lộ		950	1,000	
		+ Dưới lộ		700	760	
13		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Đức	Đến hết ranh Cây xăng (nhà bà Bé)			
		+ Trên lộ		600	650	
		+ Dưới lộ		500	550	
14		Bắt đầu từ hết ranh Cây xăng (nhà bà Bé)	Đến cầu đập Kiểm Đê			
		+ Trên lộ		450	480	
		+ Dưới lộ		400	440	
15		Bắt đầu từ giáp ranh xã Ninh Quới A (cầu giáp ranh)	Đến cầu Hai Giới			
		+ Trên lộ		700	750	
		+ Dưới lộ		600	670	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16		Bắt đầu từ cầu Hai Giỏi	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (nhà Lâm Văn Điện)			
		+ Trên lộ		550	580	
		+ Dưới lộ		400	450	
17		Bắt đầu từ miếu Mỹ Tân	Đến cầu 9 Xị	450	480	
18	QL Quản lộ - Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Ngan Dừa ấp Vĩnh Phú A	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long	800	850	
19		Bắt đầu từ nhà Út Nhàn	Đến Quản lộ - Phụng Hiệp (hướng đi Đìa Muồng)	500	550	
20		Bắt đầu từ ngã tư cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (bờ Đông)	250	280	
21		Bắt đầu từ ngã tư cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (bờ Tây)			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		+ Trên lộ		350	380	
		+ Dưới lộ		300	340	
22		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Năm Trăm	Đến cầu đập kiểm kê	350	380	
23		Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (cầu Xáng Cụt)			
		+ Trên lộ		400	440	
		+ Dưới lộ		300	340	
24		Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ	Đến Trường Tiểu học "B"	350	380	
25		Bắt đầu từ cầu Mười Khịch	Đến miếu Mỹ Tân	300	340	
26		Bắt đầu từ thủy lợi (ông Thum)	Đến ngã 4 địa 5 Quyền	300	340	
27		Bắt đầu từ cầu nhà bà Nga	Đến miếu ấp Mỹ Tân	300	340	
28	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ngã tư cầu 9 Xị ấp Vĩnh Phú B	Đến chùa Địa Muồng ấp Vĩnh Lộc	300	340	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
29		Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Phước Long	Đến ngã tư nhà ông Danh (ấp Phước 3A)	300	340	
30		Bắt đầu từ cầu 8 ngọ (ấp Huê 3)	Đến ngã 4 Trường Tiểu học - ấp Phước 3B	300	340	
31		Bắt đầu từ cầu nhà 2 Rở ấp Huê 3	Đến cầu nhà 9 Huỳnh ấp Phước 3A	300	340	
32	Tuyến kênh Tây Lác	Bắt đầu từ nhà ông 8 Ý (ấp Phước 3B)	Đến ngã tư nhà ông Châu Văn Nhanh (kênh Tư Hùng)		280	Bổ sung
33		Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Hiền	Đến giáp ranh nhà ông Mai Văn Nhất (ngã tư Tây Mập)		280	Bổ sung
34	Tuyến kênh Tây Mập	Bắt đầu từ ranh nhà ông Mai Văn Nhất (ngã tư Tây Mập)	Đến nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)		300	Bổ sung
35	Tuyến kênh Quảng Ất	Bắt đầu từ cầu nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)	Đến cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)		300	Bổ sung
36		Bắt đầu từ cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Nhẫn (ngã tư kênh Cây Nhâm)		300	Bổ sung

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020 - 2024	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối			
37	Tuyến kênh Chòm Tre	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Kháng (ấp Huê 3)	Đến nhà ông Dương Văn Phén (ngã ba ấp Tường 1)		300	Bổ sung
38	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Em (cầu ông Hoàng)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Lợi		280	Bổ sung

(Xem tiếp Công báo số 05 + 06)